

Bản án số: 24/2025/HC-ST

Ngày: 24 - 6 - 2025

*V/v “Yêu cầu hủy quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý đất đai”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Ngọc Đăng, ông Mai Xuân Thường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đậu Thị Bích Thủy - Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 50/2024/TLST-HC ngày 10 tháng 12 năm 2024 về “Yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2025/QĐXXST-HC ngày 16 tháng 6 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Ngô Xuân C, sinh năm 1960. Địa chỉ: xóm G, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. *Người bị kiện:*

- UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Chủ tịch UBND thành phố V: Ông Trần Ngọc T, Chủ tịch UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An. Địa chỉ: Số B, đường L, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Lê Sỹ C1. Chức vụ: Phó Chủ tịch. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Phạm Thị P, sinh năm 1968. Địa chỉ: xóm G, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- UBND xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng P1, Công chức địa chính - Xây dựng xã. Vắng mặt, có văn bản xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo lời khai của người khởi kiện trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Ngô Xuân C trình bày:

- Năm 2007, gia đình ông kê khai lập hồ sơ xin cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSD đất) do UBND huyện H cấp năm 1996 cho ông Ngô Xuân C đối với thửa đất số 229, tờ bản đồ số 7, diện tích 1332m² đất, có nguồn gốc do Hợp tác xã cấp từ năm 1979 để làm nhà ở. Việc lập hồ sơ đã được UBND xã H, huyện H (thời điểm này chưa điều chỉnh địa giới hành chính xã H từ huyện H về thành phố V) kiểm tra, xác nhận vào nguồn gốc đầy đủ, chính xác, khách quan, nhưng do chuẩn bị sáp nhập xã H vào thành phố V và ông bị ốm đau triền miên, nhận thức hiểu biết rất hạn chế nên không kịp thời cấp đổi giấy chứng nhận (do lỗi của nhà nước là UBND xã H).

- Năm 2014, UBND xã H lại nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất cấp đổi GCNQSD đất, UBND xã H nguồn gốc do Hợp tác xã cấp năm 1981 là không đúng, không chính xác, không khách quan dẫn đến việc xác định hạn mức đất ở, diện tích đủ điều kiện cấp đổi không chính xác, làm thiệt thòi cho gia đình.

- Ngày 11/02/2015, UBND thành phố V đã cấp đổi GCNQSD đất cho ông Ngô Xuân C và bà Phạm Thị P, mã số BX 644817, thửa đất số 229, tờ bản đồ số 7, diện tích 1056m² đất, trong đó đất ở là 212m² và 844m² đất trồng cây lâu năm. Sau khi cấp đổi, gia đình không để ý về hạn mức công nhận đất ở và diện tích đất được cấp đổi do bệnh tật và nhận thức hạn chế, cụ thể: Ông xin cam đoan là đất của gia đình ông do cha, mẹ khai hoang từ trước năm 1979 đến năm 1979 cưới vợ và cha mẹ của ông đã cho đất này để làm nhà ở ổn định từ năm 1979 đến nay. Việc cho đất này Hợp tác xã biết (ông nghe tin là cha mẹ ông đã báo cáo với HTX và HTX đồng ý). Do việc xác nhận nguồn gốc năm 2014, của UBND xã H là không chính xác dẫn đến cấp đổi Giấy chứng nhận không đúng (UBND xã H nguồn gốc là đất Hợp tác xã cấp sau năm 1980 là không chính xác), vì không có văn bản để chứng minh ý kiến những người không biết rõ về nguồn gốc, thời điểm cùng sử dụng đất. Năm 1996, UBND huyện H đã cấp Giấy chứng nhận cho gia đình với diện tích đất là 500m² (trong đó đất ở là 200m²), UBND thành phố V cấp đổi thì xác định hạn mức đất ở là 212m² đất ở là không đúng nguồn gốc, loại đất và không cấp diện tích đối với diện tích 276m² (1332m² - 1056m²) là không có căn cứ, không đúng quy định vì Bản đồ đo đạc theo Chỉ thị 299/TTg không chính xác, ranh giới sử dụng đất ổn định từ năm 1979 đến nay, không lấn đất của chủ sử dụng khác, không tranh chấp đất đai, không lấn đất công trình công cộng và không lấn đất chưa sử dụng, Chính quyền không có biện pháp ngăn chặn, xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

UBND thành phố V không cấp GCNQSD đất đối với diện tích 217m² do không phù hợp với quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 là không đúng, vì: sử dụng đất trước khi có quy hoạch, không lấn đất, không vi phạm pháp luật về đất đai nên không thể căn cứ Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP để kết luận không đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 98 Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định thi hành một số điều của Luật Đất đai, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định thi hành Luật Đất đai, Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ T4, Quyết định số 49/2014/QĐ-UBND ngày 19/8/2014 của UBND tỉnh (tại thời điểm năm 2014-2015) thì ông đủ điều kiện để được GCNQSD đất đối với toàn bộ diện tích 1.332m² đất, thửa đất số 229, tờ bản đồ số 7, (trong đó đất ở là 1.000m²).

Ông đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh và giao Sở T5 kiểm tra, UBND tỉnh chỉ đạo Chủ tịch UBND thành phố V giải quyết khiếu nại theo thẩm quyền quy định của Luật Khiếu nại năm 2011. Chủ tịch UBND thành phố V đã giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, đã kết luận ông khiếu nại sai. Nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết, như sau:

+ Tuyên hủy Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Xuân C, trú tại xóm C, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An và tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Xuân C và bà Phạm Thị Phương C2 ngày 11/02/2015 mã số BX 644817, thửa số 299, tờ bản đồ số 7, diện tích 1056m² đất trong đó đất ở là 212m² đất ở và 844m² đất trồng cây lâu năm do cấp không đúng nguồn gốc (hạn mức đất ở), diện tích thực tế sử dụng theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 106, Luật Đất đai năm 2013.

+ Buộc UBND thành phố V thực hiện nhiệm vụ, công vụ: Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Xuân C và bà Phạm Thị P theo đúng nguồn gốc sử dụng đất ở trước ngày 18/12/1980 và diện tích thực tế đang sử dụng hợp pháp là diện tích 1354,1 m², thửa số 197, tờ số 22, xã Hưng Chính, thành phố V.

Tại phiên tòa, ông Ngô Xuân C bổ sung nội dung khởi kiện: Đề nghị Tòa án tuyên hủy Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 30/6/2024 của UBND thành phố V về việc sửa đổi một phần Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Xuân C, trú tại xóm G, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An (lần đầu).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị P đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Xuân C.

Người đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch và UBND thành phố V, ông Lê Sỹ C1 có văn bản trình bày:

1. Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

- Thừa đất ông Ngô Xuân C đang sử dụng không có các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2014; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2014 và theo quy định của UBND tỉnh N, không có các loại giấy tờ để chứng minh về thời điểm sử dụng đất được quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó, căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 21 và khoản 2 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai và hướng dẫn của Bộ Trưởng Bộ T4 hướng dẫn tại Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 quy định về hồ sơ địa chính,... UBND xã H đã xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với thửa đất của ông Ngô Xuân C khi công dân có nhu cầu cấp đổi GCNQSD đất năm 2014 đảm bảo quy trình đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh thời điểm sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Theo báo cáo và xác nhận của UBND xã H tại văn bản số 384/BC-UBND ngày 07/11/2023, văn bản số 12/UBND-ĐC ngày 21/01/2015 và Giấy xác nhận nguồn gốc sử dụng đất ngày 18/11/2014 khẳng định thửa đất số 229, tờ bản đồ số 07, xã H (*theo bản đồ địa chính 2005*) của ông Ngô Xuân C - bà Phạm Thị P có nguồn gốc sử dụng đất do Hợp tác xã cấp sau ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993 (khi xác định nguồn gốc, quá trình sử dụng đối với thửa đất của ông Ngô Xuân C (*năm 2014*) và một số gia đình khác đã được UBND xã H thành lập Hội đồng xét duyệt với thành phần là lãnh đạo Đảng ủy, lãnh đạo UBND xã, Trưởng các đoàn thể và ban cán sự các xóm có liên quan. Theo đó, kết quả xét duyệt vào ngày 03/4/2014 và ngày 18/12/2014 đều thể hiện: Thửa đất của ông Ngô Xuân C - bà Phạm Thị P được HTX cấp, không phải là đất cha mẹ để lại, sử dụng vào mục đích đất ở sau ngày 18/12/1980. Diện tích tăng do coi nói ra đất nông nghiệp phía Tây là 333,0m², phần còn lại do sai số đo đạc (*nội dung này phù hợp với đơn trình bày, giấy giải trình diện tích tăng, giảm được ông C ký xác nhận năm 2014, còn lưu tại hồ sơ cấp đổi GCNQSD đất*).

- Mặt khác, qua kiểm tra hồ sơ xin cấp đổi GCNQSD đất năm 2014 của ông Ngô Xuân C thể hiện: Tại Đơn xin đổi cấp GCNQSD đất đề ngày 03/11/2014 do ông Ngô Xuân C kê khai và ký tên; Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 31/3/2014; Danh sách công khai các trường hợp đủ điều kiện cấp đổi GCNQSD đất ngày 18/12/2014, các biên bản về xác định ranh giới, mốc giới

thửa đất (*ông Ngô Xuân C là người đại diện cho các hộ dân ký xác nhận*) đều thể hiện nguồn gốc sử dụng đối với thửa đất của ông Ngô Xuân C do Hợp tác xã cấp sau ngày 18/12/1980. Như vậy, ông Ngô Xuân C đều biết việc UBND xã xác nhận nguồn gốc sử dụng đất vào mục đích đất ở của gia đình; biết việc xác định ranh giới, mốc giới sử dụng đất của gia đình.

- Đối với việc xác nhận nguồn gốc sử dụng đất của ông Ngô Xuân C vào năm 2007: Không có danh sách công khai, các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất (*xác định thời điểm sử dụng vào mục đích đất ở*) đối với trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất, giấy tờ xác định thời điểm sử dụng đất là chưa đảm bảo quy định của pháp luật đất đai tại thời điểm (*Nghị định 181/2004/NĐ-CP Thông tư số 29/2004/TT-BTNMT ngày 01 tháng 11 năm 2004 về việc hướng dẫn lập, chỉnh lý, quản lý hồ sơ địa chính của Bộ trưởng Bộ T4,..*).

Bên cạnh đó, UBND xã H khẳng định việc xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất tại thời điểm năm 2007 là không chính xác (*sử dụng đất trước ngày 18/12/1980*). Nội dung này cũng đã được thể hiện thông qua ý kiến của ông Phạm Hồng T1 - nguyên Chủ tịch UBND xã H giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2010. Đối với việc xác nhận lại vào năm 2014 nhưng chưa hủy bỏ giấy xác nhận nguồn gốc trước đó, cũng không làm thay đổi bản chất về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất. Ngày 08/12/2023, UBND xã H đã ban hành Thông báo số 88/TB-UBND về việc hủy bỏ các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến việc xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với thửa đất số 229, tờ bản đồ số 07 (*theo bản đồ 2005*) của ông Ngô Xuân C. Việc thiếu sót khi không hủy bỏ kết quả xác nhận hồ sơ năm 2007 không ảnh hưởng đến bản chất nguồn gốc sử dụng đất của ông C.

- Ngoài ra, theo kết quả xác minh đối với xóm trưởng xóm 7, Bí thư chi bộ xóm G, nguyên Chủ tịch UBND xã H và trưởng các đoàn thể, người cao tuổi thuộc xóm G, xã H đều thể hiện nguồn gốc thửa đất của gia đình ông C là đất sản xuất nông nghiệp của bố mẹ sử dụng trước ngày 18/12/1980; thời điểm ông C lập gia đình, xây dựng nhà ở trên thửa đất ông C đang sử dụng hiện nay và có đơn khiếu nại là vào khoảng thời gian từ năm 1982 đến năm 1985 đều phù hợp với nội dung xét duyệt nguồn gốc, quá trình sử dụng đất và xác nhận vào hồ sơ cấp đổi GCNQSD đất của ông Ngô Xuân C - bà Phạm Thị P năm 2014 của UBND xã H, đã được UBND thành phố Vinh cấp GCNQSD đất ngày 11/02/2015.

2. Đối với nội dung cấp đổi GCNQSD đất không đúng với diện tích hiện trạng sử dụng:

Theo kết quả nêu tại mục II nêu trên cho thấy quá trình sử dụng đất, gia đình ông C đã coi nói (*lấn*) 333.0m² đất mạ màu sau ngày 15/10/1993 đến trước

ngày 01/7/2004 và một phần đất hoang sau khi một số ngôi mộ đã di dời đi nơi khác, tại thời điểm coi nói cơ quan nhà nước không có văn bản ngăn chặn. Mặt khác, qua làm việc với Đoàn xác minh, ông C cũng khẳng định: Vợ chồng ông ra ở một thời gian thì đến khoảng 1985-1990, gia đình ông có nhờ dòng họ Ngô bốc một số ngôi mộ phía Tây Bắc thửa đất và cải tạo một phần vườn tạp để sử dụng. Đã được lập thành biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất, trong đó xác định, định vị các phần diện tích biến động qua các thời kỳ (*Biên bản đã được đại diện các hộ giáp ranh và chủ sử dụng đất là ông Ngô Xuân C ký xác nhận*).

Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2005, thửa đất của ông C có diện tích 1.389,0m², UBND xã H đề nghị cấp GCNQSD đất với diện tích 1.056,0m² (*trong đó có 12,0m² điều chỉnh từ thửa 190, tờ bản đồ số 7, nay đo gộp vào thửa đất của ông C, hiện trạng đã xây dựng nhà ở*) và diện tích 345,0m² còn lại đề nghị không cấp GCNQSD đất bao gồm: 56,4m² thuộc phần diện tích đã mở đường (*phần diện tích này cũng thuộc đất lấn ra đất mạ*); 71,6m² do xác định sai ranh giới, mốc giới, hiện trạng không sử dụng và 217,0m² thuộc phần diện tích coi nói đất mạ màu (*lấn đất - là hành vi sử dụng đất vi phạm pháp luật về đất đai*) sau ngày 15/10/1993 thuộc quy hoạch cây xanh và quy hoạch đường giao thông.

Hồ sơ đã được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V, phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định, kiểm tra, kết luận đủ điều kiện cấp đổi GCNQSD đất cho chồng là ông Ngô Xuân C và vợ là bà Phạm Thị P tại thửa đất số 229, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.056,0m² (*tổng diện tích cấp đổi là 1056,0m², đã tăng 556,0m² so với diện tích được UBND huyện cấp lần đầu là 500,0m²*). Phần diện tích 217,0m², hiện trạng gia đình ông C đang sử dụng, không cấp GCNQSD do có nguồn gốc coi nói (*lấn đất*) đất mạ màu (*theo bản đồ 299 và Sổ mục kê năm 1996 thì phần diện tích này thuộc thửa số 111, mục đích sử dụng là đất 1 lúa*) nằm trong quy hoạch cây xanh và quy hoạch đường được UBND tỉnh N phê duyệt tháng 9/2009 nên không đủ điều kiện cấp GCNQSD đất là đúng quy định tại Điều 50, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai 2003, Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2013. Vì vậy, việc ông Ngô Xuân C đề nghị cấp GCNQSD đất đối với toàn bộ diện tích đang sử dụng là không có cơ sở để xem xét.

Hiện nay, đổi chiều quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 xã H được UBND tỉnh N phê duyệt tại Quyết định số 4435/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 thì thửa đất của ông Ngô Xuân C thuộc quy hoạch đất cây xanh và đất giao thông. Vì vậy, phần diện tích 217,0m² nêu trên vẫn không đủ điều kiện để cấp GCNQSD

đất theo quy định, gia đình ông C được tạm thời sử dụng cho đến khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP.

Chủ tịch UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 kết luận việc ông Ngô Xuân C khiếu nại UBND thành phố V cấp đổi GCNQSD đất mã số BX 644817 ngày 11/02/2015 cho gia đình ông là không đúng với diện tích gia đình ông đang sử dụng và hạn mức đất ở theo nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của gia đình ông; yêu cầu UBND Thành phố xem xét, công nhận lại diện tích đất đang sử dụng và hạn mức đất ở theo đúng nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của gia đình là toàn bộ diện tích 1.332,0m² đất sử dụng trước ngày 18/12/1980, là khiếu nại sai.

Nay, UBND thành phố V giữ nguyên Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Xuân C và GCNQSD đất mã số BX 644817 ngày 11/02/2015 do UBND thành phố Vinh cấp, thửa số 299, tờ bản đồ số 7 cho ông Ngô Xuân C và bà Phạm Thị P. Ông Ngô Xuân C yêu cầu hủy Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố V là không có cơ sở để xem xét.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã H trình bày:* Đối với nguồn gốc sử dụng đất, hồ sơ xin cấp GCNQSD đất được UBND xã H năm 2007 đã được UBND xã rà soát và ban hành Thông báo số 88/TB-UBND ngày 08/12/2023 về việc hủy bỏ các hồ sơ, giấy tờ có liên quan đến việc xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất năm 2007 (lưu trữ trong hồ sơ cấp GCNQSD đất năm 2014) đối với thửa đất số 229, tờ bản đồ số 7 của ông Ngô Xuân C, thường trú tại xóm G, xã H.

Đối với nguồn gốc sử dụng đất, hồ sơ xin cấp GCNQSD đất được UBND xã Hưng Chính xác nhận năm 2014 thì UBND xã H đã chuyển toàn bộ hồ sơ đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố V để giải quyết và lưu trữ theo quy định. Hiện tại, UBND xã H không còn lưu hồ sơ cấp GCNQSD đất của ông Ngô Xuân C. UBND xã H chỉ lưu bản đồ 299 đo đạc giai đoạn từ năm 1982 đến năm 1986, sổ Mục kê 1996, bản đồ địa chính và sổ Mục kê năm 2005 và bản đồ địa chính đo đạc năm 2018.

Như vậy, tại thời điểm UBND xã H nguồn gốc đất ngày 18/11/2014 thì UBND xã H áp dụng Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn tại thời điểm, đã đảm bảo đúng bản chất, thời điểm sử dụng đất. Vì vậy, UBND xã H giữ nguyên việc xác nhận nguồn gốc, hồ sơ xin cấp GCDNQSD đất của ông Ngô Xuân C đã được UBND xã H năm 2014. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của pháp luật; đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tổ chức đối thoại; Hội đồng xét xử tiến hành phần tranh tụng tại phiên tòa theo đúng quy định của Luật tố tụng Hành chính. Người khởi kiện, người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Chấp nhận nội dung khởi kiện của ông Ngô Xuân C: + Hủy Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Xuân C, trú tại xóm C, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An và tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Xuân C và bà Phạm Thị Phương C2 ngày 11/02/2015 mã số BX 644817, thửa số 299, tờ bản đồ số 7, diện tích 1056m² đất trong đó đất ở là 212m² đất ở và 844m² đất trồng cây lâu năm do cấp không đúng nguồn gốc (hạn mức đất ở), diện tích thực tế sử dụng theo quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 106, Luật Đất đai năm 2013; hủy Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 30/6/2024 của UBND thành phố V về việc sửa đổi một phần Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Xuân C, trú tại xóm G, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An (lần đầu).

+ Buộc UBND thành phố V thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định pháp luật.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An và các đương sự, các quy định pháp luật hiện hành. Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định của Luật Tố tụng hành chính, thu thập tài liệu chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, đối thoại và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và đối thoại, đại diện người bị kiện Chủ tịch UBND thành phố V, UBND thành phố V và đại diện UBND xã H vắng mặt không có lý do, là chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa, đại diện của người bị kiện là UBND thành phố V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử

vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 157, Điều 158 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết:

Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Xuân C; Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 30/6/2024 của UBND thành phố V về việc xử đổi một phần Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Xuân C, trú tại xóm G, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An (lần đầu); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Xuân C và bà Phạm Thị Phương C2 ngày 11/02/2015 mã số BX 644817, là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai của UBND cấp huyện trên cùng phạm vi địa giới hành chính với Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An theo khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng Hành chính. Yêu cầu buộc buộc UBND thành phố V thực hiện hành vi hành chính cấp lại GCNQSD đất cho ông Ngô Xuân C và bà Phạm Thị P theo đúng nguồn gốc sử dụng đất ở trước ngày 18/12/1980 và diện tích thực tế đang sử dụng hợp pháp là diện tích 1354,1 m², thửa số 197, tờ số 22, xã H, thành phố V, sẽ được xem xét trong quá trình xem xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính.

Giấy xác nhận nguồn gốc và thời gian sử dụng đất ngày 16/7/2007 của UBND xã H và Thông báo số 88/TB-UBND ngày 08/12/2023 của UBND xã H đã ban hành về việc hủy bỏ các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến việc xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với thửa đất số 229, tờ bản đồ số 07 (*theo bản đồ 2005*) của ông Ngô Xuân C, là các quyết định hành chính liên quan được xem xét theo quy định tại khoản 1 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 16/6/2024, ông Ngô Xuân C khởi kiện Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Xuân C là đang trong thời hiệu khởi kiện theo điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Việc khởi kiện GCNQSD đất mã số BX 644817 ngày 11/02/2015 do UBND thành phố V cấp cho ông Ngô Xuân C và bà Phạm Thị Phương T2 đến ngày khởi kiện là đã hết thời hiệu khởi kiện, nhưng được xem xét khi xem xét Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố V.

[4] Xét tính hợp pháp của Quyết định hành chính bị kiện và các Quyết định hành chính liên quan.

[4.1] Về Giấy xác nhận nguồn gốc và thời gian sử dụng đất ngày 16/7/2007 của UBND xã H và Thông báo số 88/TB-UBND ngày 08/12/2023 của UBND xã H đã ban hành về việc hủy bỏ các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến việc xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với thửa đất số 229, tờ bản đồ số 07 (theo bản đồ 2005) của ông Ngô Xuân C.

Ngày 16/7/2007, ông Ngô Xuân C có Đơn xin cấp đổi GCNQSD đất do UBND huyện H cấp ngày 16/4/1996 cho ông Ngô Văn C3 đối với thửa đất số 110, tờ bản đồ số 05, diện tích 500m² (trong đó 200 m² đất ở và 300m² đất vườn). UBND xã H đã ban hành Giấy xác nhận nguồn gốc và thời gian sử dụng đất không số, ngày 16/7/2007, thể hiện: Nguồn gốc thửa đất là do HTX cấp năm 1979 với diện tích đề nghị cấp đổi là 1.332m².

Cùng với Đơn xin cấp đổi GCNQSD đất, ông Ngô Xuân C có Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 16/07/2007, Giấy cam kết ngày 16/07/2007, Đơn xin đăng ký biến động về sử dụng đất ngày 16/07/2007, Giấy giải trình phân chênh lệch diện tích, đều với nội dung: Nguồn gốc thửa đất là do HTX cấp năm 1979 với diện tích đề nghị cấp đổi là 1.332m²; lí do chênh lệch là do trước đây đo bằng phương pháp thủ công, nay đo lại bằng máy nên phát sinh chênh lệch. Các thông tin này được BCS xóm 7 xét duyệt, xác nhận đúng như trình bày của ông C, được UBND xã H vào các đơn là đúng. Tại Đơn xin cấp đổi GCNQSD đất, UBND thị trấn H xác nhận ngày 30/9/2007 với các nội dung: nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất: đúng với kê khai; hiện trạng không có tranh chấp; phù hợp với quy hoạch sử dụng đất. Kết quả thẩm tra của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - UBND huyện H ngày 22/10/2007 như sau: Thửa đất xin cấp đổi có đầy đủ giấy tờ, hợp lệ, sử dụng ổn định, không có tranh chấp phù hợp quy hoạch, đủ điều kiện cho cấp đổi. Ý kiến của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H như sau: Hồ sơ hợp lệ đủ điều kiện cho cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất, diện tích 1332m² đất ở. Ngày 22/10/2008, UBND xã H, thành phố V đã có Biên bản kiểm tra hiện trạng thửa đất đo đạc mới là thửa số 229, tờ bản đồ số 7 của ông Ngô Xuân C.

Ngày 08/12/2023 UBND xã H ra Thông báo số 88/TB-UBND về việc hủy bỏ các hồ sơ, giấy tờ có liên quan đến việc xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất trong hồ sơ cấp đổi GCNQSD đất năm 2007 đối với thửa đất số 229, tờ bản đồ số 07 của ông Ngô Xuân C.

Giấy xác nhận nguồn gốc và thời gian sử dụng đất ngày 16/7/2007 và Thông báo số 88/TB-UBND ngày 08/12/2023 của UBND xã H được ban hành đúng thẩm quyền, nhưng không đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật bởi các lí do: UBND xã H không điều tra, xác minh khi lập hồ sơ cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2007 của ông Ngô Xuân C, UBND xã căn cứ vào tài liệu nào để ban hành Giấy xác nhận nguồn gốc và thời gian sử dụng

đất của ông Ngô Xuân C. Nếu ông Ngô Xuân C không có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 2 Điều 3 của Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 thì UBND xã H đã thu thập ý kiến của những người đã từng cư trú cùng thời điểm bắt đầu sử dụng đất của người có yêu cầu xác nhận trong khu dân cư (thôn, làng, ấp, bản, buôn, phum, sóc, tổ dân phố) nơi có đất hay không. UBND xã H chưa điều tra, xác minh tại sao hồ đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện H lập Phiếu chuyển thông tin địa chính số 373/PC-VPĐK ngày 10/4/2008 tới Chi cục thuế huyện H lại không tiếp tục thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hơn nữa, việc UBND xã H huỷ bỏ xác nhận cũng như văn bản của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất – UBND huyện H, của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện H là trái với quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Do đó, cần huỷ Thông báo số 88/TB-UBND ngày 08/12/2023 của UBND xã H. Giấy xác nhận nguồn gốc và thời gian sử dụng đất ngày 16/7/2007 của UBND xã H sẽ được xem xét khi cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

[4.2] Về Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số BX 644817 ngày 11/02/2015 do UBND thành phố V cấp cho ông Ngô Xuân C và bà Phạm Thị P và Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Xuân C (lần đầu).

[4.2.1] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành:

Năm 2014, ông Ngô Xuân C lập hồ sơ đề nghị cấp đổi GCNQSD đất đối với thửa đất đã cấp GCNQSD đất nêu trên. Tại Đơn xin đổi cấp GCNQSD đất đề ngày 03/11/2014 do ông Ngô Xuân C kê khai và ký tên; Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 31/3/2014; Danh sách công khai các trường hợp đủ điều kiện cấp đổi GCNQSD đất ngày 18/12/2014 đều thể hiện thời điểm, nguồn gốc sử dụng đối với thửa đất của ông Ngô Xuân C do Hợp tác xã cấp sau ngày 18/12/1980. Các loại hồ sơ thực hiện đảm bảo theo quy định của pháp luật về đất đai đối với trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất. Hồ sơ đã được Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V và phòng Tài nguyên và Môi trường - UBND thành phố V thẩm định, kiểm tra, kết luận đủ điều kiện cấp đổi GCNQSD đất cho chồng là ông Ngô Xuân C và vợ là bà Phạm Thị P. Ngày 11/02/2015, UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số BX 644817 cho ông Ngô Xuân C và bà Phạm Thị P là đúng trình tự, thẩm quyền theo quy định tại Điều 101, Điều 105 của Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

- Ngày 08/9/2023, ông Ngô Xuân C có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố V. Chủ tịch UBND thành phố V đã có Quyết định số 639/QĐ-UBND

ngày 15/02/2024 thành lập Đoàn xác minh khiếu nại và Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 19/03/2024 về việc thay đổi Trưởng đoàn xác minh. Đoàn đã tiến hành làm việc với các bên liên quan, xác minh thu thập chứng cứ, kiểm tra hiện trạng thửa đất tranh chấp. Trên cơ sở Báo cáo kết quả kiểm tra, xác minh, giải quyết tranh chấp đất đai của Đoàn xác minh, ngày 08/5/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V đã tiến hành đối thoại với công dân. Ngày 12/6/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V đã ban hành Quyết định số 2918/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Xuân C là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền theo Điều 204 Luật Đất đai năm 2013, Điều 17, Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại.

[4.2.1] Về nội dung:

- Xét nguồn gốc, thời gian sử dụng đất của ông Ngô Xuân C:

Khi thực hiện việc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Xuân C thì đồng thời tồn tại 02 hồ sơ đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sử dụng đất của ông Ngô Xuân C.

Các tài liệu được lập năm 2007 - 2008: Đơn xin cấp đổi GCNQSD đất của ông Ngô Xuân C đề ngày 16/7/2007 có xác nhận của UBND xã H và kết quả kiểm tra của Văn phòng Đ và ý kiến của Phòng T ngày 23/7/2007; Đơn xin đăng ký biến động về sử dụng đất của ông Ngô Xuân C đề ngày 16/7/2007 có xác nhận của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất; Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông Ngô Xuân C ngày 30/9/2007 có xác nhận của UBND xã H; Giấy xác nhận nguồn gốc và thời gian sử dụng đất của UBND xã H lập ngày 16/7/2007; Giấy cam kết về việc sử dụng đất của ông Ngô Xuân C ngày 16/7/2007 có xác nhận của UBND xã H; Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác nhận nghĩa vụ tài chính của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất. Tất cả các tài liệu này trong đó đều có nội dung thể hiện thửa đất số 229, tờ bản đồ số 7 tại xóm G, xã H, huyện H ông Ngô Xuân C sử dụng do Hợp tác xã cấp từ năm 1979.

Các tài liệu có tại hồ sơ được lập năm 2014-2015 gồm: Đơn xin cấp đổi GCNQSD của ông Ngô Xuân C đề ngày 03/01/2014 có xác nhận của UBND xã H; Danh sách đề nghị cấp GCNQSD kèm theo tờ trình lập ngày 21/4/2014 của UBND xã H có tên ông C; Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư lập ngày 31/3/2014 có xác nhận của UBND xã H; Giấy xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất lập ngày 06/01/2015 của UBND xã H; Báo cáo nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của UBND xã H ngày 21/01/2015 đối với ông Ngô Xuân C; Giấy xác nhận nguồn gốc và quá trình sử dụng đất lập ngày 18/11/2014 của UBND xã H; Biên bản kết thúc công khai danh sách hộ gia đình cá nhân đủ điều kiện cấp mới, cấp đổi GCNQSD đất; Biên bản xét duyệt hội đồng cấp đổi cấp GCNQSD đất ngày 18/12/2014; Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính

ngày 04/02/2015 của Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất. Tất cả các tài liệu này đều có nội dung thể hiện, thửa đất số 229, tờ bản đồ số 07 tại xóm G, xã H, huyện H ông Ngô Xuân C sử dụng sau ngày 18/12/1980.

UBND xã H chưa làm rõ lý do xác nhận nguồn gốc hai lần khác nhau, chưa nêu rõ căn cứ pháp luật để không cấp GCNQSD đất đối với phần diện tích 345,0m², trong đó có 217,0m² thuộc phần diện tích cơi nới đất mạ màu, 56,4 m² thuộc phần diện tích đã mở đường (phần diện tích này cũng thuộc đất lấn ra đất mạ); 71,6 m² do xác định sai ranh giới, mốc giới, hiện trạng không sử dụng.

Như vậy, cùng một thửa đất đối với 01 người sử dụng đất nhưng UBND xã H có hai lần xác nhận nguồn gốc và thời gian sử dụng khác nhau nhưng không có căn cứ rõ ràng. UBND thành phố V đã căn cứ vào một hồ sơ có hai nội dung về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất khác nhau để cấp GCNQSD đất cho ông C theo tài liệu lập năm 2014-2015 khi chưa xác minh làm rõ tài liệu lập năm 2007-2008 hay tài liệu lập năm 2014-2015 thì tài liệu nào có căn cứ pháp luật để làm cơ sở cấp GCNQSD đất cho ông C mà cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mã số BX 644817 ngày 11/02/2015 cho ông Ngô Xuân C và bà Phạm Thị P đối với thửa đất số 229, tờ bản đồ số 07, diện tích 1056,0m², trong đó có 212m² đất ở, 844m² đất vườn là không đúng quy định tại Điều 99, Điều 105, Điều 106 của Luật đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

- Về nội dung xác minh của Đ xác minh khiếu nại:

Về Phiếu lấy ý kiến của khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất vào ngày 31/3/2014 thể hiện các thành phần tham gia gồm có ông Nguyễn Thiện H, sinh năm 1930, ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1935, ông Nguyễn Ngọc N, sinh năm 1955, ông Ngô Xuân T3, sinh năm 1956, bà Lê Thị L, sinh năm 1934, ông Bùi Xuân C4, sinh năm 1961, đều thống nhất xác định nguồn gốc thửa đất của ông Ngô Xuân C là do Hợp tác xã H2 cấp sau ngày 18/12/1980 đến trước ngày 15/10/1993.

Tuy nhiên, theo kết quả xác minh của Toà án, của người dân cao tuổi xóm G thì có ý kiến cho rằng ông C ở trên mảnh đất từ năm 1979 (ý kiến ông Nguyễn Văn Đ2, ông Nguyễn Đình H1, ông Nguyễn Ngọc N), có ý kiến thì không nhớ rõ ông C ra sống trên đất từ thời điểm nào (ý kiến bà Lê Thị L, bà Nguyễn Thị S.

Như vậy, cần xác định rõ nguồn gốc và thời gian ông C sử dụng thửa đất này và cần thiết phải thực hiện việc kiểm tra, xác minh, rà soát kỹ lưỡng để có kết quả đúng nhất theo quy định của pháp luật như Công văn số 8826 /STNMT-TTr ngày 11/12/2023 của Sở T5.

Về diện tích cấp đổi GCNQSD đất: Theo bản đồ đo đạc địa chính năm 2005 thửa đất của ông Ngô Xuân C có diện tích 1.389m² (Biên bản đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 22/10/2008 gia đình tự nguyện cắt bỏ 56,75m² do mở đường nên

diện tích đất còn lại đề nghị được cấp GCNQSD đất là 1.332m², theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất lập ngày 22/4/2005. Đến năm 2014 chỉ được UBND xã đề nghị cấp GCNQSD đất với diện tích 1.056m² (trong đó có 12m² điều chỉnh từ thửa 190 tờ bản đồ 07, nay gộp vào thửa đất ông C, hiện trạng đã xây nhà ở) và 345m² còn lại đề nghị không cấp GCNQSD đất bao gồm: 56,4m² thuộc phần diện tích đã mở đường; 71,6m² do xác định sai ranh giới, mốc giới hiện trạng không sử dụng và 217m² thuộc phần diện tích coi nới đất mạ màu sau ngày 15/10/1993.

Thấy rằng, UBND xã H chưa làm rõ 71,6m² do xác định sai ranh giới thì sai ranh giới mốc giới như thế nào so với trước đây và 217m² được cho là phần diện tích coi nới đất mạ cũng chưa được làm rõ coi nới so với mốc giới trước đây như thế nào, vi phạm quy hoạch không, nếu có thì vi phạm như thế nào. Theo Công văn số 709B/STNMT-TTr ngày 12/10/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T5 gửi UBND tỉnh N có nội dung: Xem xét để cấp GCNQSD đất đối với phần diện tích 217m² do hiện nay phù hợp quy hoạch và chưa có quyết định thu hồi.

Ngày 02/6/2025, Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An đã tiến hành làm việc với UBND xã H, thu thập các Biên bản xác minh nguồn gốc quá trình sử dụng đất liên quan đến thửa đất của ông Ngô Xuân C thì các biên bản đều không thể hiện ngày tháng năm, địa điểm xác minh; các thành phần tham gia, người được xác minh; không ghi ngày tháng năm sinh, địa chỉ của những người được xác minh.

Chủ tịch UBND thành phố V đã không làm rõ các nội dung nêu trên mà ban hành Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Xuân C (lần đầu), Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 30/6/2024 của UBND thành phố V về việc sửa đổi một phần Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Xuân C, trú tại xóm G, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An (lần đầu) cho rằng quyết định khiếu nại của ông Ngô Xuân C là khiếu nại sai, là chưa đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của người khiếu nại.

Do đó cần phải huỷ bỏ GCNQSD đất mã số BX 644817 ngày 11/02/2015 do UBND thành phố V cấp cho ông Ngô Xuân C và bà Phạm Thị P và Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Xuân C (lần đầu); Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 30/6/2024 của UBND thành phố V về việc sửa đổi một phần Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Xuân C, trú tại xóm G, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An (lần đầu) và buộc cơ quan nhà nước hoặc người có

thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật, như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà.

Về yêu cầu của người khởi kiện buộc UBND thành phố V thực hiện nhiệm vụ, công vụ: Cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Xuân C và bà Phạm Thị P theo đúng nguồn gốc sử dụng đất ở trước ngày 18/12/1980 và diện tích thực tế đang sử dụng hợp pháp là diện tích 1354,1 m², thửa số 197, tờ số 22, xã H, thành phố V, sẽ được cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: UBND thành phố V, Chủ tịch UBND thành phố V, UBND xã H phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng Hành chính;

Áp dụng Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật đất đai năm 2003, Điều 101, Điều 105 của Luật đất đai năm 2013, Điều 17, Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại. Điều 76 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ, Điều 348 Luật tổ tụng Hành chính; Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Xuân C.

- Hủy Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Xuân C, trú tại xóm C, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An và Quyết định số 3128/QĐ-UBND ngày 30/6/2024 của UBND thành phố V về việc sửa đổi một phần Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của ông Ngô Xuân C, trú tại xóm G, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An (lần đầu).

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Ngô Xuân C và bà Phạm Thị Phương C2 ngày 11/02/2015 mã số BX 644817, thửa số 299, tờ bản đồ số 7, diện tích 1056m².

- Hủy Thông báo số 88/TB-UBND ngày 08/12/2023 của UBND xã H đã ban hành về việc hủy bỏ các hồ sơ, giấy tờ liên quan đến việc xác nhận nguồn gốc, quá trình sử dụng đất đối với thửa đất số 229, tờ bản đồ số 07 (theo bản đồ 2005) của ông Ngô Xuân C.

Buộc Chủ tịch UBND thành phố V, UBND thành phố V, UBND xã H và người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí sơ thẩm: UBND thành phố V, Chủ tịch UBND thành phố V, UBND xã H mỗi người/cơ quan phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ bản án được giao hoặc niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự;
- UBND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thúy Quỳnh